

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI CỤC KIỂM LÂM

TÀI LIỆU SỐ 6
TUYÊN TRUYỀN VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ,
PHÁT TRIỂN RỪNG VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG



Năm 2018
(Lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

Phần 1 CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG	4
I. Định hướng phát triển các loại cây rừng tại vùng quy hoạch	4
II. Các hoạt động trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.....	4
1. Các hoạt động quản lý rừng	4
2. Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.....	5
3. Trách nhiệm của Nhà nước và nhân dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	6
4. Điều kiện có thể khai thác rừng.....	9
5. Điều kiện mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh lâm sản.....	10
6. Tuyên truyền công tác phòng cháy và chữa cháy rừng	15
7. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý, khai thác, bảo vệ, phát triển rừng và sản phẩm lâm sản:	16
8. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước	25
Phần 2 QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘNG VẬT RỪNG	26
I. Các loại động vật rừng quý, hiếm, loài động vật sắp tuyệt chủng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.....	26
II. Thủ tục đăng ký, điều kiện gây nuôi các loại động vật rừng.....	26
III. Điều kiện mua, bán, vận chuyển động vật rừng.....	27
1. Động vật rừng (ĐVR) thông thường (Nhím, hươu, nai, heo rừng lai, Cây vòi hương, trĩ đỏ ...) hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng; khi mua bán, vận chuyển phải có:.....	27
2. ĐVR thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm (Cá sấu nước ngọt, Kỳ đà, Trăn, Công, Khi...) ngoài các giấy tờ trên còn phải có giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục Kiểm lâm sở tại cấp.	27
IV. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ và phát triển động vật rừng.....	27
1. Những quy định chung của pháp luật Nhà nước về quản lý, bảo vệ động vật rừng. Nghiêm cấm các hành vi như:.....	27
2. Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ động vật rừng.....	28
3. Vận chuyển lâm sản trái pháp luật	29
4. Mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước.	31
5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi Mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước:	32
6. Vi phạm thủ tục hành chính trong quản lý rừng, sử dụng rừng; mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản:.....	32
7. Quản lý, bảo vệ và phát triển động vật rừng.....	33
8. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong những năm qua.	33
Phần 3 CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	34

1. Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.....	34
2. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)	35
3. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	40
4. Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm: Cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	41

Phần 1

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

I. Định hướng phát triển các loại cây rừng tại vùng quy hoạch

Trà Vinh là một trong những tỉnh có rừng ngập mặn (RNM) đã và đang bị suy giảm nhiều về diện tích và chất lượng. Rừng ngập mặn tại Trà Vinh tập trung phần lớn (97,25%) dọc theo 65 km bờ biển. Trước kia rừng dày đặc, đa dạng sinh học rất cao, đặc biệt là đa dạng sinh học thực vật, có nhiều lâm sản quý không chỉ đáp ứng cho địa phương mà còn cung cấp cho các vùng kế cận. Ngày nay, rừng tự nhiên chỉ còn lại là rừng Bần thuần loại, phần lớn là rừng trồng: Đước, Đưng, Mắm, Cóc ... rất nhiều diện tích rừng đã trở thành đất trồng, ao nuôi thủy sản, trồng cây thưa thớt, trữ lượng gỗ không đáng kể, khả năng tái sinh tự nhiên thấp, tác dụng phòng hộ kém. Từ 24.000 ha rừng và đất rừng, do khai thác rừng quá mức và lấy đất rừng để nuôi trồng thủy sản nên đến năm 2017 diện tích rừng chỉ còn 9.004 ha (Số liệu điều tra Chi cục Kiểm lâm tỉnh Trà Vinh).

Trước những tác động trên Chi cục kiểm lâm tỉnh Trà Vinh đã chủ động nhiều giải pháp nhằm khôi phục lại hệ sinh thái rừng ngập mặn, hàng năm đơn vị đã có kế hoạch phân bổ trồng các loại cây rừng ngập mặn tập trung cho các vùng quy hoạch xung yếu tại huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Những loài cây đặc trưng trồng rừng ngập mặn:

1. Cây Bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.) Engler.)
2. Cây Đước đôi (*Rhizophora apiculata* BL.)
3. Cây Đưng (*Rhizophora mucronata* Poir. In Lamk)
4. Cây phi lao (*Casuarina equisetifolia*)
5. Cây Mắm (*Avicennia officinalis* L.)
6. Cây Cóc trắng (*Lumnitzera racemosa* Willd.)

Các loại cây phân tán (cây gỗ lớn) trồng tập trung các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long ...

1. Cây Dầu (*Dipterocarpus alatus*)
2. Cây Sao đen (*Hopea odorata*)
3. Cây Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis*)
4. Cây Keo tai tượng (*Acacia hybrids*)
5. Cây Xà cừ, Sọ khỉ (*Khaya senegalensis*) ...

II. Các hoạt động trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

1. Các hoạt động quản lý rừng

a) Lực lượng kiểm lâm thi hành nhiệm vụ tuần tra quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác rừng và vận chuyển lâm sản trái phép

Trà Vinh đã và đang phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có kết hợp khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường khu vực ven biển và thực hiện mục tiêu quản lý rừng bền vững.

b) Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Theo kết quả diễn biến rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh:

- Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp: 23.984,53 ha;
- Diện tích quy hoạch phát triển rừng: 12.256,13 ha;
- Diện tích có rừng: 9.004 ha;
- Độ che phủ rừng ngập mặn toàn tỉnh: 3,59%.

2. Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

Trước những ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, Trà Vinh đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp ứng phó và trở thành một địa phương điển hình của đồng bằng sông Cửu Long trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu. Một trong những giải pháp tích cực để ứng phó với biến đổi khí hậu là tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng ngập mặn.

a) Rừng ngập mặn có vai trò rất quan trọng đối với sự biến đổi khí hậu

- Biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo.

- Hiểu theo nghĩa hẹp, biến đổi khí hậu là sự thay đổi về không khí, nước, sinh vật, đất đá trong hiện tại và tương lai.

- Biến đổi khí hậu thường ảnh hưởng có hại đến các hoạt động kinh tế xã hội, cuộc sống con người. Con người phải có những kế hoạch, hành động thích ứng với sự thay đổi đó. *Một trong những hành động tích cực là bảo vệ rừng, môi trường nói chung và rừng ngập mặn nói riêng.*

b) Bảo vệ rừng ngập mặn có liên quan gì đến biến đổi khí hậu

- RNM với hệ sinh thái đa dạng, là “Lá chắn xanh” bảo vệ vùng cửa sông ven biển, chống xói lở, hạn chế tác hại của gió bão, mở rộng đất liền (bồi tụ).

- RNM được ví như một nhà máy lọc khí khổng lồ. Cây rừng có chức năng hấp thụ khí cacbonic, cung cấp khí ôxy cho bầu không khí trong lành (Quá trình quang hợp); đồng thời có khả năng hấp thụ các loại khí độc do hoạt động sản xuất công nghiệp và sinh hoạt thải ra.

- RNM đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, hạn chế xâm nhập mặn, bảo vệ nguồn nước ngầm.

=> Mỗi cá nhân phải có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, trong đó có nhiệm vụ trồng và bảo vệ rừng ngập mặn.

c) Rừng bảo vệ bờ biển

- RNM có hệ thống rễ, thân và lá của chúng sẽ làm giảm tốc độ của gió, làm giảm sức công phá của sóng vào bờ biển, giúp cho bờ biển và đê biển không bị sạt lở. Bảo vệ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

- RNM hỗ trợ cho quá trình lấn biển: Các loài Bần, Mắm và Đước ... là những loài cây tiên phong chiếm cứ những vùng đất mới bồi tụ; Thân và rễ của chúng giữ phù sa, lá và cành cây khô rụng xuống làm cho lớp phù sa dày lên hàng năm; Đất ngày càng ổn định và trở nên vững chắc; Mực nước ngập của thủy triều giảm đi; Các loài khác như Đước, Vẹt, Dà ... thay thế dần dần các loài cây tiên phong. Nhờ đó bãi biển cứ được bồi thêm ra mãi.

- Khi rừng bị mất tình trạng xói lở bờ biển, bờ sông tăng lên, các công trình bị sạt lở, nhà cửa bị đổ, đời sống của nhân dân bị đe dọa.

- Không có RNM, nước biển sẽ tràn sâu vào đất liền, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. Các loài thủy sản sẽ mất nơi cư trú. Sản lượng tôm, cá và các loài thủy sản khác sẽ giảm sút.

3. Trách nhiệm của Nhà nước và nhân dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng phải bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển lâm nghiệp; đúng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cả nước và địa phương; tuân theo quy chế quản lý rừng do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Bảo vệ rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng phải bảo đảm nguyên tắc quản lý rừng bền vững; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả tài nguyên rừng; kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng, làm giàu rừng với bảo vệ diện tích rừng hiện có; kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và ngư nghiệp; đẩy mạnh trồng rừng kinh tế gắn với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

a) Trách nhiệm của Nhà nước

- Nhà nước đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng giống quốc gia; bảo vệ và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng hệ thống quản lý rừng hiện đại, thống kê rừng, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; xây dựng lực lượng chữa cháy rừng chuyên ngành; đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang bị phương tiện phục vụ chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ việc bảo vệ và làm giàu rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo, trồng rừng sản xuất gỗ lớn, gỗ quý, cây đặc sản; có chính sách hỗ trợ việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng rừng nguyên liệu; có chính sách khuyến lâm và hỗ trợ nhân dân ở nơi có nhiều khó khăn trong việc phát triển rừng, tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản.

- Nhà nước có chính sách phát triển thị trường lâm sản, khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư để phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, làng nghề truyền thống chế biến lâm sản.

- Nhà nước khuyến khích việc bảo hiểm rừng trồng và một số hoạt động sản xuất lâm nghiệp.

b) Trách nhiệm của người dân khi được giao khoán quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ:

+ Có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 59 và Điều 60 của Luật này.

+ Xây dựng khu rừng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý về rừng.

+ Được khai thác, sử dụng rừng, tận thu lâm sản theo quy định tại Điều 47 của Luật này.

+ Được chuyển đổi diện tích rừng được giao cho hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn; cá nhân được kế thừa kế quyền sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 59 Luật bảo vệ và phát triển rừng

+ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Được sử dụng rừng ổn định, lâu dài phù hợp với thời hạn giao rừng, cho thuê rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất.

+ Được sản xuất lâm nghiệp - nông nghiệp - ngư nghiệp kết hợp theo quy chế quản lý rừng, trừ rừng đặc dụng.

+ Được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích được giao, được thuê; bán thành quả lao động, kết quả đầu tư cho người khác.

+ Được kết hợp nghiên cứu khoa học, kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi Nhà nước có quyết định thu hồi rừng.

+ Được hướng dẫn về kỹ thuật, hỗ trợ về vốn theo chính sách của Nhà nước để bảo vệ và phát triển rừng và được hưởng lợi ích do các công trình công cộng bảo vệ, cải tạo rừng mang lại.

+ Được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp đối với rừng được giao, được thuê.

- Theo Điều 60 Luật bảo vệ và phát triển rừng

+ Bảo toàn vốn rừng và phát triển rừng bền vững; sử dụng rừng đúng mục đích, đúng ranh giới đã quy định trong quyết định giao, cho thuê rừng và theo quy chế quản lý rừng.

+ Tổ chức bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án đã được phê duyệt.

+ Định kỳ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về diễn biến tài nguyên rừng và các hoạt động liên quan đến khu rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật này.

+ Giao lại rừng khi Nhà nước có quyết định thu hồi rừng hoặc khi hết thời hạn sử dụng rừng.

+ Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật; không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Theo Điều 47 khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ:

+ Trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên được phép khai thác cây đã chết, cây sâu bệnh, cây đứng ở nơi mật độ lớn hơn mật độ quy định theo quy chế quản lý rừng, trừ các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị cấm khai thác theo quy định của Chính phủ về Chế độ quản lý, bảo vệ những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Danh mục những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

+ Việc khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên được quy định như sau:

Được phép khai thác các loại măng, tre nứa trong rừng phòng hộ khi đã đạt yêu cầu phòng hộ theo quy chế quản lý rừng;

Được phép khai thác các loại lâm sản khác ngoài gỗ mà không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng, trừ các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị cấm khai thác theo quy định của Chính phủ về Chế độ quản lý, bảo vệ những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Danh mục những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

+ Việc khai thác rừng phòng hộ là rừng trồng được quy định như sau:

Được phép khai thác cây phụ trợ, chặt tía thưa khi rừng trồng có mật độ lớn hơn mật độ quy định theo quy chế quản lý rừng;

Được phép khai thác cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác theo phương thức khai thác chọn hoặc chặt trắng theo băng, theo đám rừng;

Sau khi khai thác, chủ rừng phải thực hiện việc tái sinh hoặc trồng lại rừng ngay trong vụ trồng rừng kế tiếp và tiếp tục quản lý, bảo vệ.

+ Việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo quy chế quản lý rừng, thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bảo đảm duy trì khả năng phòng hộ bền vững của rừng.

4. Điều kiện có thể khai thác rừng

a) Điều kiện và đối tượng áp dụng

- Điều kiện: Trình tự thủ tục khai thác, tận thu gỗ, lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên, rừng trồng và các loài thực vật trùng tên với các loài gỗ, lâm sản ngoài gỗ nêu trên trong phạm vi cả nước.

- Đối tượng áp dụng:

+ Chủ rừng là các công ty lâm nghiệp, lâm trường, ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các doanh nghiệp, hợp tác xã có đăng ký kinh doanh ngành nghề lâm nghiệp (gọi tắt chủ rừng là tổ chức).

+ Chủ rừng là các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và các chủ rừng không thuộc đối tượng tại điểm a khoản 2 này (gọi tắt chủ rừng là hộ gia đình).

+ Các cơ quan nhà nước; các cá nhân, doanh nghiệp không phải là chủ rừng có liên quan đến hoạt động khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ.

b) Quy định cụ thể

- Đối với chủ rừng là tổ chức: Chủ rừng là tổ chức có khai thác rừng theo phương thức khai thác chính phải xây dựng Phương án điều chế rừng hoặc Phương án quản lý rừng bền vững (sau đây gọi tắt là phương án điều chế rừng).

- Nội dung xây dựng: Theo hướng dẫn về xây dựng phương án điều chế rừng, phương án quản lý rừng bền vững của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thủ tục trình duyệt: Chủ rừng là tổ chức gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị, Phương án điều chế rừng, hệ thống bản đồ kèm theo.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án và trả kết quả cho chủ rừng.

- Đối với chủ rừng là hộ gia đình: Chủ rừng là hộ gia đình có khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ cho nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên phải xây dựng phương án khai thác.

- Nội dung xây dựng: Theo hướng dẫn về xây dựng phương án khai thác cho hộ gia đình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thủ tục trình duyệt: Chủ rừng là Hộ gia đình gửi 01 bộ hồ sơ về Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện). Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị, phương án khai thác, hệ thống bản đồ kèm theo.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Điều kiện mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh hàng lâm sản

5.1. Những quy định của Nhà nước về quản lý lâm sản

a) Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản

- Mục 1 Những quy định chung: Giới thiệu và hướng dẫn phương pháp lập bảng kê lâm sản, sổ theo dõi nhập xuất lâm sản, xác nhận lâm sản theo quy định;

+ Bản kê lâm sản cán bộ Kiểm lâm sẽ hướng dẫn ghi theo mẫu biểu.

+ Sổ theo dõi nhập - xuất lâm sản cán bộ Kiểm lâm sẽ hướng dẫn ghi theo mẫu biểu.

+ Xác nhận lâm sản cơ quan có thẩm quyền xác nhận lâm sản:

Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở những địa phương không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận lâm sản trong các trường hợp sau:

Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung trong nước của tổ chức xuất ra;

Lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất ra;

Lâm sản sau xử lý tịch thu chưa chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra;

Lâm sản sau chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra;

Lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hạt Kiểm lâm khu rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm khu rừng phòng hộ xác nhận lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ đó và lâm sản sau xử lý tịch thu theo thẩm quyền xử lý của mình.

Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận lâm sản trong các trường hợp sau: Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra; lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra. Trình tự, hồ sơ đề nghị xác nhận lâm sản; Chủ lâm sản nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ (bản chính) đề nghị xác nhận lâm sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hồ sơ đề nghị xác nhận lâm sản gồm: bảng kê lâm sản, hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có) và các tài liệu về nguồn gốc của lâm sản theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp lâm sản mua của nhiều cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán thì người mua lâm sản lập bảng kê lâm sản, có chữ ký xác nhận của đại diện cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân đó. Thời gian xác nhận; thời gian xác nhận lâm sản và trả kết quả tại cơ quan xác nhận không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp kiểm tra hồ sơ và lâm sản đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và hướng dẫn chủ lâm sản hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản trước khi xác nhận thì thời gian xác nhận lâm sản trong trường hợp phải xác minh tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp xác minh phát hiện có vi phạm thì phải lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện cơ quan Nhà nước xác nhận lâm sản phải ghi ý kiến xác nhận của mình về các nội dung do chủ lâm sản đã ghi trong hồ sơ lâm sản, kể cả số, ngày, tháng, năm ghi trong hoá đơn kèm theo, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển (nếu có); ngày, tháng, năm xác nhận; ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu của cơ quan tại bảng kê lâm sản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc lâm sản hợp pháp khi xác nhận. Trường hợp xác nhận lâm sản của Ủy ban nhân dân cấp xã ngoài quy định trên còn phải có thêm chữ ký của Kiểm lâm địa bàn tại bảng kê lâm sản; Kiểm lâm địa bàn cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc lâm sản hợp pháp trong việc tham mưu đó.

- Mục 2. Những quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp: Hồ sơ nguồn gốc lâm sản; hồ sơ lâm sản trong lưu thông; hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ;

+ Hồ sơ nguồn gốc lâm sản:

Lâm sản khai thác trong nước: Hồ sơ gỗ khai thác chính, khai thác tận dụng, tận thu từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán. Đối với gỗ đủ tiêu chuẩn đóng búa kiểm lâm theo quy định của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: biên bản xác nhận gỗ đóng dấu búa kiểm lâm kèm theo bảng kê lâm sản. Đối với gỗ không đủ tiêu chuẩn đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

Lâm sản nhập khẩu: Tờ khai hải quan lâm sản nhập khẩu có xác nhận của cơ quan Hải quan cửa khẩu theo quy định hiện hành của Nhà nước. Bảng kê lâm sản (Packing-list) của tổ chức, cá nhân nước ngoài xuất khẩu lâm sản. Văn bản chứng nhận về nguồn gốc lâm sản và các tài liệu khác của nước xuất khẩu (nếu có). Giấy phép CITES đối với lâm sản thuộc danh mục các Phụ lục I, II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Lâm sản xử lý tịch thu: Hồ sơ lâm sản xử lý tịch thu gồm: quyết định xử lý vụ vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý vật chứng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tịch thu lâm sản sung công quỹ Nhà nước, kèm theo biên bản vụ vi phạm và bảng kê lâm sản.

+ Hồ sơ lâm sản trong lưu thông:

Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước. Hồ sơ lâm sản của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ lâm sản của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán. Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc khai thác từ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu theo quy định của Bộ Tài chính và bảng kê lâm sản. Hồ sơ lâm sản do cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

Lâm sản nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước: Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu xuất ra: Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hoá đơn xuất khẩu theo quy định của Bộ Tài chính và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu của cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại”.

Lâm sản sau xử lý tịch thu chưa qua chế biến: Hồ sơ lâm sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý xuất ra gồm: hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản do cơ quan bán lâm sản lập. Hồ sơ lâm sản do tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ lâm sản do cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

Lâm sản sau chế biến: Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Lâm

sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu, Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 26 của Thông tư này xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến: Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản. Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

+ Vận chuyển lâm sản nội bộ:

Hồ sơ vận chuyển lâm sản nội bộ trong địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: phiếu xuất kho nội bộ, kèm theo bảng kê lâm sản.

Hồ sơ vận chuyển lâm sản nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hồ sơ vận chuyển gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ tịch thu chưa qua chế biến; động vật rừng, bộ phận, dẫn xuất của chúng gồm: phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại. Hồ sơ vận chuyển lâm sản không thuộc quy định tại điểm a của Khoản này gồm: phiếu xuất kho nội bộ, kèm theo bảng kê lâm sản.

+ Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ:

Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh gồm: sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản; hoá đơn bán hàng; bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến lâm sản nhập vào, xuất ra quy định tại Thông tư này.

Hồ sơ lâm sản tại nơi cất giữ: Hồ sơ lâm sản tại nơi cất giữ tương ứng với từng loại lâm sản ở các giai đoạn của quá trình chu chuyển lâm sản (nguồn gốc lâm sản; lưu thông lâm sản; chế biến, kinh doanh) theo quy định tại Thông tư này.

- Mục 3. Những quy định về kiểm tra nguồn gốc lâm sản: Nguyên tắc kiểm tra lâm sản; kiểm tra lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, nơi cất giữ; kiểm tra lâm sản trong lưu thông;

+ Nguyên tắc kiểm tra lâm sản:

Tổ chức hoạt động kiểm tra: Kiểm tra lâm sản được thực hiện trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, gây nuôi, cất giữ lâm sản do cơ quan Kiểm lâm các cấp thực hiện.

Trường hợp khi kiểm tra, phát hiện chủ lâm sản không có đầy đủ hồ sơ lâm sản hoặc lâm sản thực tế không phù hợp với hồ sơ lâm sản quy định tại Thông tư này, cơ quan thực hiện kiểm tra phải tổ chức điều tra, xác minh về nguồn gốc lâm sản.

Hoạt động kiểm tra lâm sản thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất khi phát hiện hoặc có thông tin về dấu hiệu vi phạm pháp luật của chủ lâm sản. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, công chức kiểm lâm phải mặc đồng phục kiểm lâm, đeo cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu đúng quy định của Nhà nước.

Mọi trường hợp kiểm tra lâm sản phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Kiểm tra theo tin báo: Khi nhận tin báo về hành vi vi phạm pháp luật, công chức kiểm lâm nhận tin báo phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị. Trường hợp công dân trực tiếp đến trụ sở cơ quan để tố cáo phải được lập biên bản về tiếp nhận tin báo của công dân. Trường hợp nhận tin báo qua điện thoại, công chức kiểm lâm nhận tin báo phải đề nghị người báo tin cung cấp các thông tin về: họ tên, địa chỉ, số điện thoại của mình; nếu người báo tin không cung cấp các thông tin này, thì công chức kiểm lâm nhận tin phải báo cáo ngay Thủ trưởng đơn vị. Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có trách nhiệm lập sổ theo dõi tin báo và tổ chức quản lý sổ theo dõi tin báo theo chế độ quản lý tài liệu mật.

Tổ chức kiểm tra theo tin báo: Tin báo của các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức được coi là căn cứ để xem xét việc tổ chức kiểm tra lâm sản. Thủ trưởng đơn vị nhận tin báo quyết định việc triển khai kiểm tra theo tin báo khi có căn cứ xác đáng.

+ Kiểm tra lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh

Kiểm tra cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản: Khi kiểm tra lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản phải có văn bản của Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp, thì công chức kiểm lâm đang thi hành công vụ được quyền tổ chức kiểm tra ngay, đồng thời báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan.

Chủ cơ sở chế biến, kinh doanh phải chấp hành các yêu cầu kiểm tra của công chức kiểm lâm kiểm tra; xuất trình ngay hồ sơ về quản lý cơ sở chế biến, kinh doanh và nguồn gốc lâm sản theo quy định tại Thông tư này.

Nội dung kiểm tra: Hồ sơ quản lý cơ sở chế biến, kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có hoạt động về chế biến, kinh doanh lâm sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Hồ sơ lâm sản. Lâm sản hiện có tại cơ sở chế biến, kinh doanh. Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Kiểm tra cất giữ lâm sản: Trường hợp phát hiện lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp, thì công chức kiểm lâm đang thi hành công vụ được quyền tổ chức kiểm tra ngay, đồng thời báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan.

Chủ nơi cất giữ và chủ lâm sản phải chấp hành các yêu cầu của công chức kiểm lâm; xuất trình ngay hồ sơ lâm sản đang được cất giữ theo quy định tại Thông tư này.

Nội dung kiểm tra: Hồ sơ lâm sản đang cất giữ. Lâm sản hiện có tại nơi cất giữ. Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Kiểm tra lâm sản trong lưu thông: Nội dung kiểm tra lâm sản đang vận chuyển gồm: Hồ sơ lâm sản. Lâm sản hiện có trên phương tiện vận chuyển. Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mục 4. Những quy định về quản lý, lưu giữ hồ sơ lâm sản và chế độ báo cáo. Cụ thể như sau:

Cứ định kỳ 03 tháng một lần vào ngày cuối quý, cơ sở khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản gửi báo cáo theo mẫu biểu về tình hình nhập, xuất lâm sản cho cơ quan kiểm lâm sở tại để tổng hợp. (*Chi cục kiểm lâm tỉnh Trà Vinh quy định từ ngày 20 đến ngày 25 của tháng cuối quý*).

6. Tuyên truyền công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

- Cháy rừng là thảm họa gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và môi trường.

- Cháy rừng thường xảy ra vào thời kỳ nắng nóng, khô hanh kéo dài và chỉ xuất hiện ở các khu rừng có loài cây phi lao, lau, sặc, chà là, nơi có nhiều vật liệu cháy dưới tán rừng.

- Nguyên nhân xảy ra cháy rừng chủ yếu do nguồn lửa từ hoạt động sản xuất và đời sống của con người như: nấu nướng thức ăn, hút thuốc bỏ tàn bừa bãi, đốt bắt ong, đốt cỏ dọn đất nông nghiệp ... con người có thể làm lửa lan vào rừng.

- Vì vậy các tổ chức, cá nhân hoạt động trong và ven rừng phải chấp hành tốt các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Cháy rừng gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của con người, làm thiệt hại tài sản của Nhà nước và nhân dân.

- Cháy rừng làm cho khí hậu thay đổi, tác dụng điều hòa khí hậu của rừng bị mất dần, cân bằng sinh học bị phá vỡ, đất bị thoái hóa nhanh, bạc màu, ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của nhân dân địa phương.

6.1. Quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng

Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cư trú, hoạt động ở trong và ven rừng nếu phát hiện cháy rừng phải báo cáo ngay cho chủ rừng, chính quyền địa

phương, cơ quan Kiểm lâm gần nhất. Đồng thời thực hiện ngay các biện pháp dập lửa và chấp hành nghiêm chỉnh lệnh huy động về người và phương tiện để chữa cháy.

*** Nghiêm cấm:**

- Vào rừng trái phép vào mùa khô hanh.
- Đốt lửa, sử dụng lửa đun nấu, lấy mật ong ở các khu rừng dễ cháy.
- Đốt cỏ trong rừng và ven rừng phi lao.

6.2. Trách nhiệm về PCCCR của UBND các cấp

- Ban hành các quy định về PCCC rừng tại địa phương.
- Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ huy PCCC rừng.
- Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCCCR; xử lý vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quy định về PCCCR theo thẩm quyền.
- Hướng dẫn, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục pháp luật kiến thức về PCCCR cho nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động PCCCR.
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án PCCC rừng, huy động lực lượng và phương tiện tham gia.
- Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.
- Thống kê, báo cáo UBND cấp trên về tình hình PCCC rừng.

7. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý, khai thác, bảo vệ, phát triển rừng và sản phẩm lâm sản

7.1. Những hành vi bị nghiêm cấm (16 hành vi)

- Chặt phá rừng, khai thác rừng trái phép.
- Săn, bắn, bắt, bẫy, nuôi nhốt, giết mổ động vật rừng trái phép.
- Thu thập mẫu vật trái phép trong rừng.
- Huỷ hoại trái phép tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng.
- Vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Vi phạm quy định về phòng, trừ sinh vật hại rừng.
- Lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng rừng trái phép.
- Khai thác trái phép cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp.
- Vận chuyển, chế biến, quảng cáo, kinh doanh, sử dụng, tiêu thụ, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu thực vật rừng, động vật rừng trái với quy định của pháp luật.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chăn thả gia súc trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu rừng đặc dụng, trong rừng mới trồng, rừng non.

- Nuôi, trồng, thả vào rừng đặc dụng các loài động vật, thực vật không có nguồn gốc bản địa khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Khai thác trái phép tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên, diễn biến tự nhiên của rừng; làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tự nhiên của các loài sinh vật rừng; mang trái phép hoá chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy vào rừng.

- Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, giá trị rừng sản xuất là rừng trồng trái pháp luật.

- Phá hoại các công trình phục vụ việc bảo vệ và phát triển rừng.

- Các hành vi khác xâm hại đến tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng.

7.2. Các hành vi vi phạm hành chính và hình thức xử phạt vi phạm quy định về quản lý rừng, sử dụng rừng

a) Hành vi lấn, chiếm rừng

Người có hành vi dịch chuyển mốc ranh giới rừng để chiếm giữ, sử dụng rừng trái pháp luật của chủ rừng khác, của Nhà nước bị xử phạt như sau:

* Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c, diện tích bị lấn, chiếm dưới 20.000 m².

- Rừng sản xuất dưới 6.000m².

- Rừng phòng hộ dưới 5.000m².

- Rừng đặc dụng dưới 4.000 m².

Chú ý: Kiểu IC đặc trưng là đã có cây thân gỗ tái sinh với số lượng đáng kể nằm trong 2 loại kể trên. Chỉ xếp vào loại IC khi tái sinh có chiều cao bình quân đạt từ 1 m trở lên và mật độ N/ha \geq 1000 cây

* Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ 20.000 m² đến 30.000m².

- Rừng sản xuất từ 6.000 m² đến 10.000m².

- Rừng phòng hộ từ 5.000 m² đến 7.000m².

- Rừng đặc dụng từ 4.000 m² đến 5.000 m².

* Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ trên 30.000 m² đến 50.000 m².

- Rừng sản xuất từ trên 10.000 m² đến 20.000 m².

- Rừng phòng hộ từ trên 7.000 m² đến 15.000 m².

- Rừng đặc dụng từ trên 5.000 m² đến 10.000 m².

* Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ trên 50.000 m².

- Rừng sản xuất từ trên 20.000 m².

- Rừng phòng hộ từ trên 15.000 m².

- Rừng đặc dụng từ trên 10.000 m².

* Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. “Buộc trả lại diện tích rừng bị lấn, chiếm”

* Người có hành vi lấn, chiếm đất lâm nghiệp xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Khai thác trái phép cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp

Người có hành vi khai thác trái phép cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp bị xử phạt như sau:

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi tổ chức tham quan phong cảnh trái phép trong rừng.

- Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng nghĩa địa, làm mộ trái phép trong rừng.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức sản xuất, làm dịch vụ, kinh doanh trái phép trong rừng.

c) Vi phạm quy định về thiết kế khai thác gỗ

Người vi phạm các quy định về thiết kế khai thác gỗ bị xử phạt như sau:

* Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Thiết kế khối lượng khai thác gỗ sai với thực tế (khối lượng khai thác đúng thiết kế được nghiệm thu so với khối lượng trong hồ sơ thiết kế khai thác) trong một lô rừng lớn hơn từ trên 15% đến 20%.

- Đóng búa bài cây không đúng đối tượng, ngoài phạm vi thiết kế

* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Thiết kế diện tích khai thác gỗ tại thực địa sai với bản đồ thiết kế.

d) Thiết kế khối lượng khai thác gỗ sai với thực tế (khối lượng khai thác đúng thiết kế được nghiệm thu so với khối lượng trong hồ sơ thiết kế khai thác) trong một lô rừng lớn hơn 20%.

đ) Vi phạm các quy định khai thác gỗ

Người có hành vi khai thác gỗ không đúng trình tự, thủ tục và các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bị xử phạt như sau:

* Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- Không thực hiện thủ tục giao, nhận hồ sơ, hiện trường khai thác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thiết kế về phát luồng dây leo trước khi khai thác, vệ sinh rừng sau khi khai thác và các biện pháp kỹ thuật khác bảo đảm tái sinh rừng.

* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Không chặt những cây cong queo, sâu bệnh đã có dấu bài chặt; không tận thu hết gỗ cành ngọn, cây đổ gãy trong quá trình khai thác rừng tự nhiên theo thiết kế được duyệt.

- Mở đường vận xuất, làm bãi tập trung gỗ sai vị trí so với thiết kế

e) Khai thác rừng trái phép

Người có hành vi lấy lâm sản trong rừng không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được phép nhưng đã thực hiện không đúng quy định cho phép bị xử phạt như sau:

* Khai thác trái phép rừng sản xuất

- Đối với gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm: Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới 0,3 m³ đến 20 m³

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ dưới 0,3 m³ đến 12,5 m³.

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ dưới 0,5 m³ đến 2 m³

* Khai thác rừng phòng hộ trái phép

- Đối với gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 100.000.000 đồng, đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,5 \text{ m}^3$ đến 15 m^3

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,3 \text{ m}^3$ đến 10 m^3 .

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,5 \text{ m}^3$ đến $1,5 \text{ m}^3$

* Khai thác rừng đặc dụng trái phép:

“Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường”

- Đối với gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,5 \text{ m}^3$ đến 10 m^3

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,3 \text{ m}^3$ đến 5 m^3

- Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới $0,5 \text{ m}^3$ đến 1 m^3

* Đối với thực vật rừng, dẫn xuất, bộ phận của chúng; than hầm, than hoa: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây thiệt hại lâm sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng đến trên 45.000.000 đồng.

* Đối với thực vật rừng, dẫn xuất, bộ phận của chúng; than hầm, than hoa Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây thiệt hại lâm sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng đến trên 45.000.000 đồng.

Ghi chú: Dẫn xuất, bộ phận của thực vật rừng gồm: lá, hoa, quả, vỏ, rễ, nhựa, tinh dầu ...

Trường hợp: Khai thác trái phép gỗ còn lại rải rác trên nương rẫy, cây trồng phân tán, khai thác tận thu trái phép gỗ trên đất nông nghiệp, tận thu trái phép gỗ nằm, trực, vớt trái phép gỗ dưới sông, suối, ao, hồ.

* Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật; tịch thu công cụ, phương tiện cơ giới; tước quyền sử dụng giấy phép khai thác rừng

7.3. Vi phạm quy định về phát triển rừng, bảo vệ rừng

a) Vi phạm quy định về trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác

* Người có hành vi vi phạm quy định của Nhà nước về trồng lại rừng mới thay thế diện tích rừng được Nhà nước cho phép chuyển sang mục đích khác bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chậm trồng rừng mới thay thế trên 01 năm với diện tích từ 01 ha đến 05 ha.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Chậm trồng rừng mới thay thế trên 01 năm với diện tích từ trên 05 ha đến 10 ha.

+ Chậm trồng rừng mới thay thế trên 02 năm với diện tích từ 01 ha đến 05 ha.

+ Không hoàn thổ đúng thời hạn để trồng lại rừng trên diện tích sau khai thác khoáng sản dưới 01 ha. (*Hoàn thổ là trả lại hiện trạng của khu vực đất trước khi vi phạm*)

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với các hành vi:

+ Chậm trồng rừng mới thay thế trên 01 năm với diện tích từ trên 10 ha đến trên 50 ha.

+ Chậm trồng rừng mới thay thế trên 02 năm với diện tích từ trên 05 ha đến trên 40 ha.

+ Chậm trồng rừng mới thay thế trên 03 năm với diện tích từ trên 01 ha đến trên 30 ha.

+ Không hoàn thổ đúng thời hạn để trồng lại rừng trên diện tích sau khai thác khoáng sản từ 01 ha đến trên 30 ha

* Biện pháp khắc phục hậu quả của hành vi Vi phạm quy định về trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác: Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Nghị định 157/2013/NĐ-CP.

Ghi chú: Điều 4, Nghị định 157/2013/NĐ-CP

1. Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng theo suất đầu tư được áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính.

2. Buộc trả lại diện tích rừng bị lấn, chiếm.

3. Buộc thực hiện ngay việc hoàn thổ.

b) Vi phạm quy định của Nhà nước về trồng rừng

Người được Nhà nước giao, cho thuê đất để trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư 100% nhưng thực hiện trồng rừng không đúng quy định của Nhà nước bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:

- + Trồng rừng không có thiết kế trên diện tích từ 0,5 ha đến 20 ha.
- + Thực hiện không đúng thiết kế trồng rừng được phê duyệt từ trên 05 ha đến trên 20 ha.
- + Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng trồng trên diện tích từ 01 ha đến trên 50 ha.
- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trồng rừng không có thiết kế trên diện tích từ trên 20 ha

c) Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng

Người có hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng bị xử phạt như sau:

* Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Mang dụng cụ thủ công, cơ giới vào rừng để săn bắt động vật rừng.
2. Đưa súc vật kéo, mang dụng cụ thủ công vào rừng để khai thác, chế biến lâm sản, khoáng sản trái phép.

3. Nuôi, trồng, thả trái phép vào rừng

* Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Tổ chức đưa người vào nghiên cứu khoa học, đi du lịch trái phép ở rừng đặc dụng; thu thập mẫu vật trái phép trong rừng.
- Đưa trái phép vào rừng các phương tiện, công cụ cơ giới.
- Quảng cáo kinh doanh về thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.
- Săn bắt động vật trong mùa sinh sản.
- Sử dụng phương pháp, công cụ săn bắt bị cấm.
- Săn bắt động vật rừng ở những nơi có quy định cấm săn bắt.

* Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Đốt lửa, sử dụng lửa không đúng quy định của Nhà nước trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng.
- Đốt lửa, sử dụng lửa ở các khu rừng dễ cháy, thảm thực vật khô nỏ vào mùa hanh khô.
- Đốt lửa, sử dụng lửa gần kho, bãi gỗ khi có cấp dự báo cháy rừng từ cấp III đến cấp V.
- Đốt lửa, sử dụng lửa để săn bắt động vật rừng, lấy mật ong, lấy phé liệu chiến tranh.

- Đốt nương, rẫy, đồng ruộng trái phép ở trong rừng, ven rừng.
- Không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng khi được phép sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt và bảo quản, sử dụng chất cháy trong rừng và ven rừng.

* Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các chủ rừng được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng thuộc một trong các hành vi sau:

- Không có phương án phòng cháy, chữa cháy và công trình phòng cháy, chữa cháy rừng; không tổ chức thực hiện hoặc thực hiện không đúng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tháo nước dự trữ phòng cháy trong mùa khô hanh.

- Không tổ chức tuần tra, canh gác rừng để ngăn chặn cháy rừng tự nhiên, rừng trồng do mình quản lý.

Ghi chú: Áp dụng cho chủ rừng

* Hình thức xử phạt bổ sung:

- Tịch thu tang vật, công cụ thủ công và các loại cưa xăng đối với hành vi vi phạm hành chính.

- Tịch thu công cụ săn bắt động vật rừng bị cấm.

d) Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng gây cháy rừng

Người có hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng gây cháy rừng bị xử phạt như sau:

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cháy cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c, diện tích dưới 1.000 m². đến đến 50.000 m².

- Cháy rừng sản xuất dưới 500 m² đến 10.000 m²

- Cháy rừng phòng hộ dưới 300 m² đến 7.500 m²

- Cháy rừng đặc dụng dưới 200 m². đến 5.000 m².

e) Chăn thả gia súc trong những khu rừng đã có quy định cấm

Người chăn thả gia súc trong những khu rừng đã có quy định cấm bị xử phạt như sau:

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chăn thả gia súc trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu rừng đặc dụng.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chăn thả gia súc trong rừng trồng dặm cây con, rừng trồng mới đến bốn năm tuổi, rừng khoanh nuôi tái sinh đã có quy định cấm chăn thả gia súc.

- Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng theo suất đầu tư được áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính.

f) Vi phạm quy định về phòng trừ sinh vật hại rừng

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ rừng cố ý không thực hiện một trong các biện pháp phòng trừ sinh vật hại rừng theo quy định của pháp luật.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người sử dụng thuốc trừ sinh vật hại rừng mà pháp luật cấm sử dụng.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu thuốc trừ sinh vật hại rừng mà pháp luật cấm sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

g) Phá hủy các công trình phục vụ việc bảo vệ và phát triển rừng

Người có hành vi gây thiệt hại các công trình phục vụ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng như: Nhà trạm, chòi canh lửa rừng, biển báo, bảng quy ước tuyên truyền bảo vệ rừng; hàng rào, mốc ranh giới rừng; bể, hồ chứa nước chữa cháy rừng; các loại phương tiện, công cụ sử dụng trong việc bảo vệ và phát triển rừng; làm thay đổi hiện trạng hoặc hư hỏng các công trình đó, bị xử phạt như sau:

- * Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi: Viết, vẽ lên biển báo, bảng quy ước tuyên truyền bảo vệ rừng; xóa các thông tin, hình ảnh trên các biển báo, bảng quy ước tuyên truyền bảo vệ rừng.

- * Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tháo dỡ biển báo về bảo vệ rừng.

- * Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- Đào phá đường lâm nghiệp.
- Cản trở hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, truy quét lâm tặc.
- Phá đường ranh cản lửa.
- Phá hàng rào, mốc ranh giới rừng.

- * Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Đập phá bảng quy ước tuyên truyền bảo vệ rừng, phá chòi canh, nhà làm việc, tài sản, phương tiện khác dùng trong việc tuần tra bảo vệ rừng.

h) Phá rừng trái pháp luật

Người có hành vi chặt phá cây rừng; đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, xả chất độc hoặc các hành vi khác gây thiệt hại đến rừng với bất kỳ mục đích gì (trừ hành vi quy định tại Điều 12 của Nghị định này) mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được phép chuyển đổi

mục đích sử dụng rừng nhưng không thực hiện đúng quy định cho phép bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phá rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c dưới 1.500 m² đến 30.000 m²

+ Rừng sản xuất dưới 800 m².đến đến 5.000 m²

+ Rừng phòng hộ dưới 500 m².đến đến 3.000 m²

+ Rừng đặc dụng dưới 200 m².đến đến 1.000 m².

- Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, công cụ, phương tiện đối với hành vi vi phạm.

Biện pháp khắc phục hậu quả của hành vi Phá rừng trái pháp luật:

Buộc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b, c, i Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ghi chú: Điểm b, c, i Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính

b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

8. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Một số chủ trương, chính sách, quy định của nhà nước đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Phần 2

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘNG VẬT RỪNG

I. Các loại động vật rừng quý, hiếm, loài động vật sắp tuyệt chủng trên địa bàn tỉnh trà Vinh

- Động vật rừng quý hiếm: Rắn sọc dưa, hổ hèo, Kỳ đà hoa, Gà nước, Vịt trời, Dơi ngựa.

- Động vật sắp tuyệt chủng: Rái cá, Dơi ngựa lớn, Cây hương, Mèo rừng, Rắn hổ mang.

- Bảo vệ động vật rừng là một việc làm hết sức quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái.

- Thực trạng săn bắt, mua bán, nuôi nhốt động vật rừng trái phép vẫn đang diễn ra ở nhiều nơi chưa được ngăn chặn triệt để. Nhiều loài chim, thú quý, hiếm đang bị giảm sút nghiêm trọng và có nguy cơ bị tuyệt chủng trong tương lai không xa. Vì vậy, cần phải có những biện pháp tích cực và hữu hiệu để bảo vệ chúng.

II. Thủ tục đăng ký, điều kiện gây nuôi các loại động vật rừng

- Cơ sở, trại nuôi phải có hồ sơ hợp pháp loài động vật rừng (ĐVR) đưa vào gây nuôi (giấy tờ theo quy định trên đối với từng loài ĐVR thông thường hay quý, hiếm).

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Đối với động hoang dã quý, hiếm, hồ sơ gồm: Bảng kê lâm sản do cá nhân, tổ chức lập, biên bản kiểm tra lâm sản và giấy phép vận chuyển đặc biệt do Cơ quan Kiểm lâm sở tại lập và cấp. Riêng đối với tổ chức có thêm hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ tài chính;

+ Đối với động vật hoang dã thông thường hồ sơ gồm: Bảng kê lâm sản do cá nhân, tổ chức lập và có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại. Riêng đối với heo rừng lai cần có thêm giấy kiểm dịch thú y do Cơ quan Thú y sở tại cấp và đối với tổ chức có thêm hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ tài chính.

- Nộp tất cả các giấy tờ trên đến cơ quan kiểm lâm gần nhất (Hạt kiểm lâm, Chi cục kiểm lâm). Cơ quan kiểm lâm sẽ hướng dẫn cơ sở, trại nuôi lập sổ theo dõi ĐVR gây nuôi, báo cáo nhập, xuất ĐVR; Tổ chức kiểm tra định kỳ hay đột xuất tình hình hoạt động của cơ sở, trại nuôi về số lượng vật nuôi, an toàn trại nuôi, vệ sinh môi trường.

- Cơ sở, trại nuôi có trách nhiệm xây dựng chuồng, trại nuôi phù hợp đặc tính sinh trưởng, phát triển của loài nuôi, an toàn cho vật nuôi và con người, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; theo dõi, ghi chép biến

động số lượng ĐVR gây nuôi tại trại và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với cơ quan kiểm lâm.

- Chủ cơ sở, trại nuôi làm thông báo gửi UBND cấp xã, phường, thị trấn để UBND xã, phường, thị trấn lập sổ theo dõi.

- Chú ý: Khi chủ cơ sở, trại nuôi đến Cơ quan Kiểm lâm làm thủ tục đăng ký gây nuôi sẽ được hướng dẫn cách ghi chép vào sổ theo dõi số lượng động vật gây nuôi và những biểu mẫu có liên quan trong quá trình gây nuôi như: biểu mẫu thông báo gửi UBND xã, phường, thị trấn; bảng kê lâm sản; đăng ký bổ sung....

- Những cơ sở, trại nuôi chấp hành tốt những quy định của Nhà nước về gây nuôi ĐVR sẽ được Chi cục Kiểm lâm xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi. Khi xem xét cấp giấy chứng nhận trại nuôi. Chủ cơ sở, trại nuôi phải có bản báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước (có phê duyệt của UBND phường hoặc thành phố, xã hoặc huyện).

III. Điều kiện mua, bán, vận chuyển động vật rừng

1. Động vật rừng (ĐVR) thông thường (Nhím, hươu, nai, heo rừng lai, Cây vòi hương, trĩ đỏ ...) hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng; khi mua bán, vận chuyển phải có:

a) Đối với tổ chức: Hồ sơ gồm hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính, bảng kê ĐVR (lâm sản) có xác nhận của kiểm lâm sở tại (Từ cấp Hạt trở lên).

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân phải có bảng kê ĐVR (lâm sản) có xác nhận của kiểm lâm sở tại (Từ cấp Hạt trở lên).

=> Riêng đối với heo rừng lai khi vận chuyển, mua, bán cần có thêm giấy kiểm dịch thú y do cơ quan Thú y sở tại cấp.

2. ĐVR thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm (Cá sấu nước ngọt, Kỳ đà, Trăn, Công, Khỉ...) ngoài các giấy tờ trên còn phải có giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục Kiểm lâm sở tại cấp.

Trước khi vận chuyển ĐVR gây nuôi (Thông thường hoặc quý hiếm), chủ cơ sở, trại nuôi phải làm Giấy đề nghị xác nhận và có bảng kê ĐVR gây nuôi, để cơ quan kiểm lâm làm căn cứ xem xét, thực hiện việc xác nhận).

IV. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ và phát triển động vật rừng

1. Những quy định chung của pháp luật Nhà nước về quản lý, bảo vệ động vật rừng. Nghiêm cấm các hành vi như:

- Mang dụng cụ vào rừng để săn bắt động vật rừng.

- Săn bắt, bẫy bắt, nuôi nhốt, giết mổ động vật rừng trái phép.

- Vận chuyển, quảng cáo, kinh doanh, sử dụng, tiêu thụ, tàng trữ động vật rừng không có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nuôi, thả vào rừng đặc dụng các loài động vật rừng không có nguồn gốc bản địa khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ động vật rừng

Người có hành vi săn, bắn, bẫy, bắt; nuôi, nhốt, lấy dẫn xuất từ động vật rừng; giết động vật rừng trái quy định của pháp luật bị xử phạt như sau:

- Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm (Chồn đen; Sóc; hươu, Heo rừng ...) có giá trị dưới 7.000.000 đồng đến trên 270.000.000 đồng: thì bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

- Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB (Cây hương; Kỳ đà; Rắn mái gấm; Rắn hổ hèo; Rắn rồng...) có giá trị dưới 4.000.000 đồng đến trên trên 160.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

- Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IBCó giá trị dưới 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

- Nuôi trái phép 01 đến 08 cá thể động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng

Ghi chú:Động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB ở Trà Vinh gồm (có 5 loài thuộc nhóm IB Nghị định 32/200/6NĐ-CP và Phụ lục I Công ước CITES (02 loài Rái cá; Mèo rừng; Mèo Cá; Rắn Hổ mang chúa)

Trường hợp được phép nuôi động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB hoặc các loại động vật hoang dã khác nhưng vi phạm quy định về tiêu chuẩn chuồng, trại nuôi bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Ghi chú: Việc gây nuôi loài IB cần tuân theo các văn bản:

+ Quyết định 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/09/2008 về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi

+ Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

+ Nghị định 82/2006/NĐ-CP ngày 10/08/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ động vật rừng:

Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm c, đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Khoản 1,

Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 và Khoản 10 Điều này

Ghi chú: Điểm c, đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính:

c) “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh”

đ) “Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại”

3. Vận chuyển lâm sản trái pháp luật

Người có hành vi vận chuyển lâm sản (bao gồm từ thời điểm tập kết lâm sản để xếp lên phương tiện vận chuyển hoặc đã xếp lên phương tiện vận chuyển) không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng hồ sơ không phù hợp với lâm sản thực tế vận chuyển; gỗ không có dấu búa kiểm lâm theo quy định của pháp luật, bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật có tang vật vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm có giá trị dưới 5.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng

+ Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB có giá trị dưới 3.000.000 đồng đến trên 160.000.000 đồng.

+ Sản phẩm chế biến từ gỗ không hợp pháp có giá trị dưới 10.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

- Vận chuyển trái pháp luật thực vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng ngoài gỗ có giá trị dưới 7.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng

- Vận chuyển trái pháp luật gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm (đước; mắm; bần...) dưới 1 m³ đến 20 m³ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

- Vận chuyển trái pháp luật gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA (Gỗ đỏ; Hương; cẩm lai; lim xanh; xá xị...) dưới 0,7 m³ đến 10 m³ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng

- Vận chuyển trái pháp luật gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA (Mun sọc; sưa...) dưới 0,3 m³ đến 1,5 m³ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng

*Hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật:

-Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi này (trừ trường hợp gỗ có hồ sơ và nguồn gốc hợp pháp nhưng khối

lượng gỗ thực tế vượt quá sai số cho phép theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi này. Trừ trường hợp quy định trong các trường hợp sau:

* Phương tiện bị người vi phạm hành chính chiếm đoạt trái phép là trường hợp phương tiện của chủ sở hữu hợp pháp bị người có hành vi vi phạm hành chính trộm cắp, cướp, cưỡng đoạt, lợi dụng chủ tài sản không có điều kiện ngăn cản để công khai chiếm đoạt (công nhiên chiếm đoạt) hoặc các hành vi trái pháp luật khác tước đoạt quyền chiếm hữu, quản lý, sử dụng của chủ sở hữu hợp pháp phương tiện đó.

* Phương tiện bị người vi phạm sử dụng trái phép thuộc một trong các trường hợp sau:

- Chủ sở hữu hợp pháp của phương tiện cho người khác thuê, mượn hoặc thuê người khác điều khiển phương tiện đó để sử dụng vào mục đích chính đáng, nhưng người được thuê, được mượn phương tiện hoặc người được thuê điều khiển phương tiện đó đã tự ý sử dụng phương tiện để vi phạm hành chính.

- Chủ sở hữu hợp pháp đối với phương tiện của mình hoặc người quản lý hợp pháp đối với phương tiện thuê của chủ sở hữu hợp pháp giao cho người lao động của mình quản lý, điều khiển, sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh hợp pháp, nhưng người lao động đã tự ý sử dụng các phương tiện đó để vi phạm hành chính.

Việc cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển phương tiện phải được giao kết bằng văn bản giữa chủ sở hữu hợp pháp và người được thuê, được mượn theo quy định của pháp luật trước khi hành vi vi phạm xảy ra. Bản giao kết phải ghi rõ mục đích, nội dung sử dụng phương tiện cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển. Đối với cá nhân cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển phương tiện thì Bản giao kết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phương tiện bị tạm giữ, người có hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật phải xuất trình văn bản giao kết đó cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc.

- Vi phạm có tổ chức.

- Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

- Sử dụng xe hai ngăn, hai đáy, hai mui, xe cải tạo không có đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đối với loại xe theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu phương tiện; xe đeo biển số giả.

- Vận chuyển gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm từ 1,5 m³ trở lên; gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm từ 0,5 m³ trở lên.

- Vận chuyển thực vật rừng và bộ phận của chúng (ngoài gỗ) thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên; động vật rừng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và bộ phận của chúng có giá trị từ 5.000.000

đồng trở lên; loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc bộ phận của chúng có giá trị từ 3.000.000 đồng trở lên.

Trường hợp vận chuyển lâm sản trái pháp luật có 2 loại gỗ trở lên (gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và gỗ quý, hiếm) hoặc nhiều loại lâm sản khác nhau ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, tuy khối lượng của một loại gỗ hoặc giá trị của mỗi loại lâm sản chưa đến mức bị tịch thu phương tiện nhưng tổng khối lượng các loại gỗ vận chuyển trái pháp luật từ 1,5 m³ trở lên hoặc tổng giá trị các loại lâm sản khác ngoài gỗ vận chuyển trái pháp luật từ 15.000.000 đồng trở lên.

4. Mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước

Người có hành vi mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản không đúng với nội dung hồ sơ đó; gỗ không có dấu búa kiểm lâm theo quy định của pháp luật, bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với các hành vi mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh trái với các quy định của Nhà nước các lâm sản, sản phẩm sau (quy định tại khoản 1 đến khoản 10 điều 23):

+ Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm có giá trị dưới 5.000.000 đồng đến trên 270.000.000 đồng;

+ Động vật rừng hoặc bộ phận, dẫn xuất của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB có giá trị dưới 3.000.000 đồng đến trên 160.000.000 đồng thì bị phạt tiền;

+ Sản phẩm chế biến từ gỗ không hợp pháp có giá trị dưới 10.000.000 đồng đến trên 400.000.000 đồng.

*** Hình thức xử phạt bổ sung:**

- Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 đối với hành vi này (trừ trường hợp gỗ có hồ sơ và nguồn gốc hợp pháp nhưng khối lượng gỗ thực tế vượt quá sai số cho phép theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 đối với hành vi này (trừ trường hợp quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 3 Nghị định này), thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm có tổ chức.

+ Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

- Sử dụng xe hai ngăn, hai đáy, hai mui, xe cải tạo không có đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đối với loại xe theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu phương tiện; xe đeo biển số giả.

+ Vận chuyển gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm từ 1,5 m³ trở lên; gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm từ 0,5 m³ trở lên.

+ Vận chuyển thực vật rừng và bộ phận của chúng (ngoài gỗ) thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên; động vật rừng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và bộ phận của chúng có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên; loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc bộ phận của chúng có giá trị từ 3.000.000 đồng trở lên.

Trường hợp vận chuyển lâm sản trái pháp luật có 2 loại gỗ trở lên (gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và gỗ quý, hiếm) hoặc nhiều loại lâm sản khác nhau ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, tuy khối lượng của một loại gỗ hoặc giá trị của mỗi loại lâm sản chưa đến mức bị tịch thu phương tiện nhưng tổng khối lượng các loại gỗ vận chuyển trái pháp luật từ 1,5 m³ trở lên hoặc tổng giá trị các loại lâm sản khác ngoài gỗ vận chuyển trái pháp luật từ 15.000.000 đồng trở lên

5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi Mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước:

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

*Trường hợp cất giữ gỗ trái phép mà không có cơ sở để xác định gỗ là của chủ nhà hoặc chủ cơ sở chế biến thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định tịch thu theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ghi chú: Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính:

Người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính.

Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật bị tịch thu, tiêu hủy; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

6. Vi phạm thủ tục hành chính trong quản lý rừng, sử dụng rừng; mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Chủ lâm sản chế biến, kinh doanh, vận chuyển, mua, bán, cất giữ thực vật rừng và bộ phận của chúng (ngoài gỗ), động vật rừng và bộ phận của chúng do gây nuôi có nguồn gốc hợp pháp nhưng không chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành về hồ sơ lâm sản và trình tự, thủ tục quản lý.

- Chủ lâm sản khai thác, vận chuyển, mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh gỗ rừng trồng, gỗ vườn nhà, cây trồng phân tán có nguồn gốc hợp pháp

nhưng không chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành về hồ sơ lâm sản và trình tự, thủ tục quản lý.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Chủ rừng không lập hồ sơ quản lý rừng, sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

- Chủ cơ sở chế biến, kinh doanh, mua, bán lâm sản không ghi chép vào sổ nhập, xuất lâm sản theo quy định của pháp luật.

- Chủ cơ sở nuôi động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp nhưng không thực hiện đăng ký trại nuôi theo quy định của pháp luật.

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ lâm sản mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp nhưng không chấp hành các quy định của pháp luật về hồ sơ lâm sản và trình tự, thủ tục quản lý.

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với chủ lâm sản vận chuyển, mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh gỗ rừng tự nhiên có nguồn gốc hợp pháp nhưng không chấp hành các quy định pháp luật về hồ sơ lâm sản và trình tự, thủ tục quản lý.

đ) Vi phạm quy định về điều kiện chế biến gỗ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

e) Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ một phần hoạt động chế biến gỗ hoặc tước giấy chứng nhận về điều kiện chế biến gỗ từ 06 đến 12 tháng đối với hành vi này.

7. Quản lý, bảo vệ và phát triển động vật rừng

- Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, từ nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế gia đình đã xuất hiện một số mô hình gây nuôi động vật rừng như: Cá sấu nước ngọt, Trăn gấm, hươu, nai, nhím, heo rừng lai, vôi hương, trĩ đỏ ...

- Kết quả bước đầu cho thấy các loài vật nuôi nói trên thích nghi với sinh cảnh của Trà Vinh và phong trào đã và đang có chiều hướng mở rộng, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, đầu ra của vật nuôi không vững chắc, giá cả không ổn định gây không ít khó khăn cho các cơ sở, trại gây nuôi động vật rừng.

8. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong những năm qua.

- Hỗ trợ tiền trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng hàng năm.

- Tiền vệ sinh PCCCR hàng năm.

- Xác nhận hồ sơ để người dân trong Khu bảo tồn Long Khánh được thế chấp diện tích đất để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Duyên Hải

Phần 3

CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

a) Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Tổ chức (Ban quản lý khu rừng đặc dụng) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định gửi về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT. Bộ phận chuyên môn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận;
- Nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét hướng dẫn cho tổ chức hoàn thiện bổ sung.
- Chuyển hồ sơ đến chi cục Kiểm Lâm xử lý.

* Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày, chi cục Kiểm Lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kết quả họp Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký, Quyết định phê duyệt hoặc văn bản thông báo lý do từ chối cho tổ chức biết (Thời gian hoàn thành việc phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và trả kết quả không quá (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định).

* Bước 3: Nhận kết quả tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT theo địa chỉ số 109 Phạm Ngũ Lão, phường 1, thành phố Trà Vinh, Trà Vinh.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Giám đốc Ban quản lý khu rừng đặc dụng (bản chính);
- Báo cáo xác định vùng đệm quy định tại điều 6 của Thông tư 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (bản chính);
- Bản đồ vùng đệm có thể hiện phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng theo hệ quy chiếu VN 2000;
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 35 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và PTNT
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan có liên quan: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ban quản lý khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

h) Phí, Lệ phí: không

i) Mẫu đơn, tờ khai: không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 57/2008/NĐ-CP ngày 02/5/2008 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam có tầm quan trọng Quốc gia và Quốc tế.

- Nghị định 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

- Thông tư 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ khu bảo tồn biển.

2. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)

a) Trình tự thực hiện

* Bước 1: Chủ rừng là tổ chức khác (không phải là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, các tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý), hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có nhu cầu cải tạo rừng chuẩn bị và gửi 05 bộ hồ sơ (01 bản chính, 04 bản sao) trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh. Bộ phận chuyên môn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận;
- Nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét hướng dẫn cho tổ chức hoàn thiện bổ sung.
- Chuyển hồ sơ đến chi cục Kiểm Lâm xử lý.

* Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày, chi cục Kiểm Lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kết quả họp Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án hoặc có lý do không phê duyệt. Trường hợp phải xác minh thực địa thì thời gian được kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt hồ sơ

Bước 3: Nhận kết quả tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT theo địa chỉ số 109 Phạm Ngũ Lão, phường 1, thành phố Trà Vinh.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cải tạo rừng
- Hồ sơ thiết kế cải tạo rừng
- Biên bản kiểm tra hiện trường

Số bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao chụp)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trường hợp cần xác minh thực địa thì thời gian phê duyệt được kéo dài thêm không quá 15 ngày)

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh;

f) Đối tượng thực hiện TTHC:

- Các tổ chức không phải là tổng công ty Lâm nghiệp và các chủ rừng không thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng.

h) Lệ phí: Không

i) Mẫu đơn, tờ khai

- Phụ lục 02 Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Phụ lục 03 Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

j) Điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất.

PHỤ LỤC 02
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẢI TẠO RỪNG
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 5 năm
2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẢI TẠO RỪNG
Kính gửi :

Tên chủ hộ/cá nhân/cộng đồng dân cư thôn

Địa chỉ:

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/2013 về việc Quy định cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt, đề nghị cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt như sau.

Vị trí: thuộc lô.....khoảnh....., tiêu khu.....

Hiện trạng rừng....., diện tích....ha; diện tích cải tạo:.....ha

Trữ lượng:.....m³; bình quân.....m³/ha;

Mục tiêu cải tạo rừng:

Phương án cải tạo:

- Cải tạo theo băng.....

- Cải tạo theo đám.....

- Cải tạo toàn diện:.....

- Trồng lại rừng: Loài cây trồng....., thời gian trồng

Thời gian thực hiện: từ ngày.....tháng.....nămđến ngàytháng
....năm

Tôi cam kết thực hiện đúng quy định của nhà nước về cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Đại diện cơ quan kiểm
lâm sở tại**

(ký và đóng dấu)

Đại diện UBND xã

(ký và đóng dấu)

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 03
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....Ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

1. Tên hồ sơ cải tạo rừng:
2. Địa điểm:
3. Thành phần kiểm tra:
 - Đại diện Chủ rừng quản lý khu rừng đề nghị cải tạo
 - Đại diện UBND xã nơi khu rừng được cải tạo;
 - Đại diện cơ quan kiểm lâm sở tại
 - Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế lập hồ sơ.
4. Kết quả kiểm tra:
 - Về vị trí lô rừng.....
 - Về điều kiện rừng cải tạo (5 điều kiện theo Thông tư quy định)

.....
.....
.....

Kết luận và kiến nghị:

.....
.....
.....

Biên bản được lập thành 05 bản và thông qua vào hồigiờngày ... tháng.....năm

Đại diện cơ quan kiểm lâm sở tại (ký và đóng dấu)	Đại diện UBND xã (ký và đóng dấu)	Người làm đơn (ký, ghi rõ họ và tên)	Chủ rừng
---	---	--	-----------------

3. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

a) Trình tự thực hiện

* Bước 1: Các cơ quan ,tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chuẩn bị hồ 05 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 04 bộ sao) và nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh. Bộ phận chuyên môn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận;
- Nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét hướng dẫn cho tổ chức hoàn thiện bổ sung.
- Chuyển hồ sơ đến chi cục Kiểm Lâm xử lý.

* Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày, chi cục Kiểm Lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thực địa thì thời gian được kéo dài không quá 15 ngày làm việc. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định, chi cục Kiểm Lâm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án thì phải nêu rõ lý do cho chủ dự án biết.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án, trường hợp không phê duyệt ủy ban nhân dân tỉnh phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết

* Bước 3: Nhận kết quả tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT theo địa chỉ số 109 Phạm Ngũ Lão, phường 1, thành phố Trà Vinh.

c) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013
- Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013
- Bản đồ thiết kế và các tài liệu có liên quan.

-Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trường hợp cần xác minh thực địa thì thời gian phê duyệt được kéo dài thêm không quá 15 ngày)

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức khoa học có liên quan.

f) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

h) Lệ phí: Không

i) Mẫu đơn, tờ khai: Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013

j) Điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

4. Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm: Cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)

a) Trình tự thực hiện

* Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định sau đó nộp hồ sơ về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT

* Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- + Nếu hồ sơ đầy đủ theo qui định thì tiếp nhận hồ sơ;
- + Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức điều chỉnh, bổ sung theo quy định.
- + Chuyển hồ sơ đến phòng Chuyên môn - Kỹ thuật Sở xử lý.

* Bước 4: Cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo địa chỉ số 109 Phạm Ngũ Lão, phường 1, Thành phố Trà Vinh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
- + Đơn xin công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.
- + Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận vườn giống cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

f) Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân.

g) Mẫu đơn, tờ khai

- Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng của tỉnh (mẫu số 05, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Phụ lục 12, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

h) Phí, lệ phí

- Công nhận cây trội: 450.000 đồng/cây.
- Vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/giống.
- Lâm phần tuyển chọn: 750.000 đồng/nguồn giống.
- Rừng giống chuyên hóa, rừng giống trồng: 2.750.000 đồng/rừng giống.

i) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ công nhận.

j) Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

- Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghi

Mẫu đơn, tờ khai thực hiện TTHC:
Mẫu biểu số 05

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG
LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG
LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống xin công nhận	Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:	
1. Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng): 2. Tuổi trung bình hoặc năm trồng: 3. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 4. Sơ đồ bố trí cây trồng: 5. Diện tích: 6. Chiều cao trung bình (m): 7. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 8. Đường kính tán cây trung bình (m): 9. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 10. Tình hình ra hoa, kết hạt: 11. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyển hóa <input type="checkbox"/> Rừng giống trồng <input type="checkbox"/> Cây mẹ (cây trội) <input type="checkbox"/> Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom) 	
<i>Ngày ... tháng ... năm 200...</i> Chữ ký của người làm đơn <i>(Con dấu của đơn vị nếu có)</i>	
B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT	
Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...	
Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống: Ngày họp Hội đồng thẩm định:	
<i>Ngày ... tháng ... năm 200...</i> Trưởng phòng Kỹ thuật Sở <i>(Ký tên)</i>	

PHỤ LỤC 12:

MẪU BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

*** Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo thực hiện TTHC:**

Phụ lục 06 : Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì Mục đích thương mại

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân đề

nghị:.....

Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập.

2. Nội dung đề nghị cấp đăng

ký:.....

Cấp mới 0; Cấp bổ sung 0; Khác 0 (nêu rõ)

3. Loài động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
...						

4. Địa Điểm trại nuôi:

5. Mô tả trại nuôi:

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

-

....., ngày..... tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)